



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**
 Chuyên ngành: **Hệ thống thông tin**
 Mã số ngành: **52480201**
 Khoa: **Kỹ thuật - Công nghệ**

Tổng số tín chỉ tích lũy

126 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN		
Học kỳ 1											
01	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
02	NAS202	Toán cao cấp	BB	3	3					K. GDĐC	
03	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
04	INT306	Nhập môn ngành CNTT	BB	2	2					K. KTCN	
05	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. KTCN	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
03	INT416	Hệ điều hành	BB	2	2					K. KTCN	
04	INT305	Kỹ thuật lập trình	BB	2	2					K. KTCN	
05	INT309	Thực hành Kỹ thuật lập trình	BB	2		2				K. KTCN	
06		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 2		14	12	2	0	0	0		
Học kỳ 3											
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	NAS204	Vật lý đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
03	ELE307	Linh kiện điện tử	BB	2	2					K. KTCN	
04	INT304	Kiến trúc máy tính	BB	2	2					K. KTCN	
05		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 3		13	13	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
02	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
03	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	BB	2	2					K. KTCN	
04	NAS307	Thực hành toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	BB	1		1				K. KTCN	
05	INT302	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	BB	2	2					K. KTCN	
06	INT307	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	BB	1		1				K. KTCN	
07	INT411	An toàn và bảo mật thông tin	BB	2	2					K. KTCN	
08		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 4		16	14	2	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
03	INT419	Lập trình hướng đối tượng	BB	2	2					K. KTCN	
04	INT435	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	BB	1		1				K. KTCN	
05	INT303	Cơ sở dữ liệu	BB	3	3					K. KTCN	
06	INT308	Thực hành Cơ sở dữ liệu	BB	1		1				K. KTCN	
07	INT429	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	BB	3	3					K. KTCN	
		Tổng Học kỳ 5		16	14	2	0	0	0		
Học kỳ 6											

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
01	INT423	Lập trình web	BB	2	2					K. KTCN	
02	INT439	Thực hành Lập trình web	BB	1		1				K. KTCN	
03	INT418	Khai phá dữ liệu	BB	2	2					K. KTCN	
04	INT434	Thực hành Khai phá dữ liệu	BB	1		1				K. KTCN	
05	INT425	Mạng máy tính	BB	2	2					K. KTCN	
06	INT441	Thực hành Mạng máy tính	BB	1		1				K. KTCN	
07	INT427	Phân tích thiết kế hệ thống	BB	2	2					K. KTCN	
08	INT443	Thực hành Phân tích thiết kế hệ thống	BB	1		1				K. KTCN	
09		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	MAN201	Quản trị học			3					K. GDĐC	
	NAS203	Thống kê ứng dụng			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 6		15	11	4	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	INT417	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	BB	2	2					K. KTCN	
02	INT433	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	BB	1		1				K. KTCN	
03	INT412	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	BB	2	2					K. KTCN	
04	INT431	Thực hành Cơ sở Trí tuệ nhân tạo	BB	1		1				K. KTCN	
05	INT447	Thực tập 1 CNTT	BB	2			2			K. KTCN	
06		(Chọn 1 trong 2 cấp HP)	TC	3							
	INT424	Lập trình web nâng cao	TC	2	2					K. KTCN	
	INT440	Thực hành lập trình web nâng cao	TC	1		1				K. KTCN	
	INT430	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	TC	2	2					K. KTCN	
	INT445	Thực hành Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	TC	1		1				K. KTCN	
		Tổng Học kỳ 7		11	6	3	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
02	INT428	Quản lý dự án CNTT	BB	2	2					K. KTCN	
03	INT444	Thực hành quản lý dự án CNTT	BB	1		1				K. KTCN	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
04	INT414	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	BB	2				2		K. KTCN	
05		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	TC	3							
	ACC201	Kế toán đại cương			3					K. GDĐC	
	MAR201	Marketing căn bản			3					K. GDĐC	
06		<i>(Chọn 1 trong 3 cặp HP)</i>	TC	3	2	1					
	INT426	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	TC	2	2					K. KTCN	
	INT442	Thực hành phát triển phần mềm hướng đối tượng	TC	1		1				K. KTCN	
	INT413	Điện toán đám mây	TC	2	2					K. KTCN	
	INT432	Thực hành Điện toán đám mây	TC	1		1				K. KTCN	
	INT422	Lập trình trên Windows	TC	2	2					K. KTCN	
	INT438	Thực hành lập trình trên Windows	TC	1		1				K. KTCN	
07		<i>(Chọn 1 trong 2 cặp HP)</i>	TC	3	2	1					
	INT449	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	TC	2	2					K. KTCN	
	INT446	Thực hành xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	TC	1		1				K. KTCN	
	INT421	Lập trình trên các thiết bị di động	TC	2	2					K. KTCN	
	INT437	Thực hành lập trình trên các thiết bị di động	TC	1		1				K. KTCN	
		Tổng Học kỳ 8		17	12	3	0	2	0		
Học kỳ 9											
01	INT549	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. KTCN	
02	INT550	Đồ án tốt nghiệp đại học Hệ thống thông tin	BB	9					9	K. KTCN	
		Tổng Học kỳ 9		12	0	0	3	0	9		

- Ghi chú:**
1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
 2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
 3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		

Lê Sĩ Hải